



CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HÀ NỘI

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2017**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 23

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Minh Chung	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Nga	Phó Chủ tịch
Ông Lê Minh Thành	Phó Chủ tịch
Ông Trần Ngọc Tiến	Thành viên
Bà Lê Thanh Hà	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thu Hằng	Thành viên
Bà Vũ Thị Quỳnh Trang	Thành viên (bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2017)
Bà Trần Thị Hồng Phương	Thành viên (miễn nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2017)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Kim Hà	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2017)
Ông Nguyễn Kim Hà	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 9 năm 2017, miễn nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2017)
Bà Nguyễn Thị Phương Mai	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2017)
Ông Trần Ngọc Tiến	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2017)
Bà Mai Thị Thu Hà	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 12 năm 2017)
Ông Trịnh Minh Tú	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Kim Hà
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2018

Số: 759 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 26 tháng 3 năm 2018, từ trang 5 đến trang 23, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại các Thuyết minh số 1 và 26 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán là số liệu của bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (đã bao gồm các điều chỉnh liên quan đến quyết toán cổ phần hóa được phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền). Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 15 tháng 3 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty (kỳ hoạt động đầu tiên của Công ty sau khi chính thức chuyển đổi từ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên sang công ty cổ phần từ ngày 15 tháng 3 năm 2016), được trình bày cho mục đích cung cấp thêm thông tin bổ sung, chỉ mang tính chất tham khảo và không so sánh được với số liệu kỳ hiện tại do không đồng nhất về kỳ kế toán.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Đặng Chí Dũng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0030-2018-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 26 tháng 3 năm 2018

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Đỗ Trung Kiên

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1924-2018-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		486.051.414.417	584.171.622.496
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	24.625.772.795	195.522.949.466
1. Tiền	111		8.625.772.795	161.522.949.466
2. Các khoản tương đương tiền	112		16.000.000.000	34.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		432.570.499.000	341.300.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	432.570.499.000	341.300.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		28.532.260.384	47.103.860.817
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	15.574.832.073	17.257.736.917
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		958.367.182	-
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	11.999.061.129	29.846.123.900
IV. Hàng tồn kho	140		322.882.238	244.812.213
1. Hàng tồn kho	141		322.882.238	244.812.213
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		415.976.055.011	393.002.784.328
I. Tài sản cố định	220		8.846.136.615	11.919.281.945
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	8.846.136.615	11.919.281.945
- Nguyên giá	222		25.369.562.998	27.064.695.677
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(16.523.426.383)	(15.145.413.732)
II. Bất động sản đầu tư	230	9	52.590.865.310	55.078.282.695
- Nguyên giá	231		73.727.349.474	72.837.123.679
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(21.136.484.164)	(17.758.840.984)
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		327.646.705.597	290.646.705.597
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5	285.774.104.867	285.774.104.867
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5	1.872.600.730	1.872.600.730
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5	40.000.000.000	3.000.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		26.892.347.489	35.358.514.091
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	26.892.347.489	35.358.514.091
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		902.027.469.428	977.174.406.824

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		44.392.211.916	213.677.184.857
I. Nợ ngắn hạn	310		44.392.211.916	213.677.184.857
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	635.757.594	2.216.584.894
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		690.677.178	1.771.582.362
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	1.173.730.015	1.243.706.870
4. Phải trả người lao động	314		1.782.136.600	5.881.383.583
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	13	21.656.358.205	19.534.798.390
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	14	3.238.958.292	2.930.332.881
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	11.788.824.243	179.801.672.870
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		2.300.000.000	-
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.125.769.789	297.123.007
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		857.635.257.512	763.497.221.967
I. Vốn chủ sở hữu	410	16	857.635.257.512	763.497.221.967
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		748.000.000.000	748.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		748.000.000.000	748.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.231.896.222	1.231.896.222
3. Cổ phiếu quỹ	415		(26.400.000)	-
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		108.429.761.290	14.265.325.745
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		12.203.140.997	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		96.226.620.293	14.265.325.745
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		902.027.469.428	977.174.406.824



Trương Thị Phượng
Người lập biểu



Vũ Thị Bình
Kế toán trưởng



Nguyễn Kim Hà
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 3 năm 2018

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Từ ngày 15/3/2016 đến ngày 31/12/2016	
1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	01	18	166.946.280.950	142.830.155.088
2. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		166.946.280.950	142.830.155.088
3. Giá vốn dịch vụ cung cấp	11	19	132.298.748.350	115.691.703.449
4. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		34.647.532.600	27.138.451.639
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	102.229.392.526	17.451.360.204
6. Chi phí tài chính	22		217.149.481	585.211
7. Chi phí bán hàng	25	22	9.021.835.572	15.680.975.559
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	25.854.468.434	11.840.841.526
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		101.783.471.639	17.067.409.547
10. Thu nhập khác	31		248.894.627	432.051.037
11. Chi phí khác	32		182.698.319	36.892.288
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		66.196.308	395.158.749
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		101.849.667.947	17.462.568.296
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	23	5.623.047.654	3.197.242.551
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		96.226.620.293	14.265.325.745
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	1.286	172



Trương Thị Phượng
Người lập biểu



Vũ Thị Bình
Kế toán trưởng



Nguyễn Kim Hà
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Từ ngày 15/3/2016 đến ngày 31/12/2016
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	101.849.667.947	17.462.568.296
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	5.466.741.986	4.338.403.236
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	70.113.721	(1.770.956.779)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(102.116.507.997)	(15.642.712.764)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	5.270.015.657	4.387.301.989
Thay đổi các khoản phải thu	09	8.921.696.525	4.127.097.761
Thay đổi hàng tồn kho	10	(78.070.025)	4.551.982
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(131.783.190.190)	(6.694.533.954)
Thay đổi chi phí trả trước	12	8.466.166.602	7.949.598.574
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(5.511.756.398)	(1.205.711.182)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(114.715.137.829)	8.568.305.170
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	163.636.364	-
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(128.270.499.000)	(327.300.000.000)
3. Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	111.693.924.020	63.325.012.963
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(16.412.938.616)	(263.974.987.037)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(26.400.000)	-
2. Lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(39.675.258.755)	(7.826.266.821)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(39.701.658.755)	(7.826.266.821)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(170.829.735.200)	(263.232.948.688)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	195.522.949.466	456.983.437.275
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(67.449.471)	1.772.460.879
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	228.013.030.795	195.522.949.466


Trương Thị Phượng
Người lập biểu


Vũ Thị Bình
Kế toán trưởng


Nguyễn Kim Hà
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 3 năm 2018

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty TNHH MTV Du lịch Dịch vụ Hà Nội, được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104000248 ngày 20 tháng 10 năm 2005, thay đổi lần thứ 02 ngày 06 tháng 12 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Công ty TNHH MTV Du lịch Dịch vụ Hà Nội chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần với tên gọi Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100107155 ngày 15 tháng 3 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, với vốn điều lệ là 748.000.000.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 108 (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 121).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm kinh doanh lữ hành quốc tế và nội địa; kinh doanh khách sạn, nhà hàng (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường); kinh doanh vận chuyển khách du lịch và hàng hóa; kinh doanh ăn uống, đặc sản cao cấp và bình dân (không bao gồm kinh doanh quán bar); hướng dẫn du lịch, phiên dịch; dịch vụ thông tin (trừ loại thông tin Nhà nước cấm); dịch vụ vui chơi, giải trí, xông hơi xoa bóp (không bao gồm châm cứu, day ấn huyệt và xông hơi bằng thuốc y học cổ truyền); kinh doanh cho thuê văn phòng, nhà ở cho các đối tượng trong và ngoài nước; kinh doanh thương mại xuất nhập khẩu tổng hợp; lập dự án, đầu tư xây dựng và quản lý khu du lịch, khách sạn, khu đô thị, trung tâm thương mại dịch vụ; các loại dịch vụ khác: cho thuê hoạt động (nấu ăn, phiên dịch, lái xe); tổ chức hội nghị, hội thảo, kinh doanh hàng lưu niệm, tranh ảnh nghệ thuật, mỹ phẩm cao cấp; may đo, giặt là, cắt uốn tóc, chăm sóc sắc đẹp, trang điểm (không bao gồm các dịch vụ gây chảy máu).

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh dịch vụ du lịch và dịch vụ liên quan.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có các đơn vị phụ thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Trung tâm Lữ hành	Số 273 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội	Dịch vụ du lịch
Chi nhánh Công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh	Số 54 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	Dịch vụ du lịch
Xí nghiệp Dịch vụ Du lịch	Số 98 Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội	Kinh doanh ăn uống và dịch vụ khác
Trung tâm Dịch vụ, Đại lý vé máy bay	Số 102 Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội	Đại lý vé máy bay

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có các công ty liên doanh, liên kết sau:

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty liên doanh			
1	Công ty Liên doanh Khách sạn TNHH Hà Nội Hotel	D8, Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội	Kinh doanh khách sạn
2	Công ty TNHH Global Toserco	Số 40 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội	Kinh doanh khách sạn
Công ty liên kết			
1	Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Sao Phương Đông	Số 269 Kim Mã, Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội	Kinh doanh khách sạn

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán là số liệu của bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (đã bao gồm các điều chỉnh liên quan đến quyết toán cổ phần hóa được phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền – trình bày tại Thuyết minh số 26). Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 15 tháng 3 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty (kỳ hoạt động đầu tiên của Công ty sau khi chính thức chuyển đổi từ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên sang công ty cổ phần từ ngày 15 tháng 3 năm 2016), được trình bày cho mục đích cung cấp thêm thông tin bổ sung, chỉ mang tính chất tham khảo và không so sánh được với số liệu kỳ hiện tại do không đồng nhất về kỳ kế toán.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm nay (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 30
Máy móc, thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 6
Tài sản cố định khác	3 - 6

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị còn lại của tài sản cho thuê và kế toán theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm nhà cửa, vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 30 năm.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp và các khoản chi phí trả trước khác.

Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp phản ánh lợi thế kinh doanh phát sinh khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Khoản lợi thế kinh doanh này sẽ được phân bổ trong thời gian 5 năm vào chi phí sản xuất kinh doanh khi Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty không có khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên bảng cân đối kế toán với cơ sở tính thuế thu nhập.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u> <u>VND</u>	<u>Số đầu năm</u> <u>VND</u>
Tiền mặt	64.093.502	289.960.288
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.561.679.293	161.232.989.178
Các khoản tương đương tiền (*)	16.000.000.000	34.000.000.000
	<u>24.625.772.795</u>	<u>195.522.949.466</u>

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
a1) Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	432.570.499.000	432.570.499.000	341.300.000.000	341.300.000.000
a2) Dài hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (**)	40.000.000.000	40.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng tại các ngân hàng thương mại, hưởng lãi suất từ 5,2%/năm đến 7,2%/năm.

(**) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, tiền gửi có kỳ hạn dài hạn phản ánh khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn còn lại trên 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam với lãi suất 7%/năm.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
b1) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết				
Công ty TNHH Global Toserco	209.672.714.716	-	209.672.714.716	-
Công ty Liên doanh Khách sạn TNHH Hà Nội Hotel	61.365.277.633	-	61.365.277.633	-
Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Sao Phương Đông	14.736.112.518	-	14.736.112.518	-
b2) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
Công ty Cổ phần Hanoitourist Taxi	1.872.600.730	-	1.872.600.730	-
	287.646.705.597	-	287.646.705.597	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, giá gốc các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty là giá trị đánh giá lại được phê duyệt theo Quyết định số 7189/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2014 của UBND Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa của Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội và sau đó, các khoản đầu tư này được Công ty định giá lại theo hướng dẫn của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần ("Nghị định 59"), Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 59 và Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2014 hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.

Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư trên tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này do các đơn vị được đầu tư chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán và Công ty cũng chưa thu thập được các thông tin đáng tin cậy khác để xác định giá trị hợp lý, nên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư trên tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HÀ NỘI
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết và các công ty nhận đầu tư khác của Công ty như sau:

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ góp vốn	Hoạt động chính
Công ty Liên doanh Khách sạn TNHH Hà Nội Hotel	Việt Nam	50,00%	29,58%	Kinh doanh khách sạn
Công ty TNHH Global Toserco	Việt Nam	35,00%	35,00%	Kinh doanh khách sạn
Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Sao Phương Đông	Việt Nam	40,00%	40,00%	Kinh doanh khách sạn
Công ty Cổ phần Hanoitourist Taxi	Việt Nam	5,20%	5,20%	Kinh doanh vận tải

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH Ericsson Việt Nam	7.195.475.000	5.947.750.600
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Song Linh	1.243.680.130	2.822.904.900
Sở Ngoại vụ Thành phố Hà Nội	-	1.816.636.800
Công ty TNHH Yamaha Việt Nam	-	1.489.931.103
Các khoản phải thu khách hàng khác	7.135.676.943	5.180.513.514
	15.574.832.073	17.257.736.917

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm (Trình bày lại) VND
Phải thu về lãi tiền gửi	10.780.839.951	3.989.252.302
Đặt cọc, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	701.618.000	762.557.250
Tạm ứng cho nhân viên	48.866.400	853.468.031
Phải thu về cổ phần hóa	-	7.934.179.375
Phải thu lợi nhuận được chia từ Công ty Liên doanh Khách sạn TNHH Hà Nội Hotel	-	16.275.182.943
Phải thu ngắn hạn khác	467.736.778	31.483.999
	11.999.061.129	29.846.123.900

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HÀ NỘI
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MÃU SỐ B 09-DN

8. TẶNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số đầu năm	7.893.672.216	17.096.963.577	2.000.159.364	73.900.520	27.064.695.677
Phân loại sang bất động sản đầu tư	(890.225.795)	-	-	-	(890.225.795)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(768.406.364)	(36.500.520)	(804.906.884)
Số cuối năm	7.003.446.421	17.096.963.577	1.231.753.000	37.400.000	25.369.562.998
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số đầu năm	1.714.106.594	11.822.277.455	1.548.348.006	60.681.677	15.145.413.732
Khấu hao trong năm	200.890.071	1.971.345.536	204.593.832	8.808.363	2.385.637.802
Phân loại sang bất động sản đầu tư	(296.538.996)	-	-	-	(296.538.996)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(678.996.115)	(32.090.040)	(711.086.155)
Số cuối năm	1.618.457.669	13.793.622.991	1.073.945.723	37.400.000	16.523.426.383
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số đầu năm	6.179.565.622	5.274.686.122	451.811.358	13.218.843	11.919.281.945
Số cuối năm	5.384.988.752	3.303.340.586	157.807.277	-	8.846.136.615

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, nguyên giá của các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 70.203.636 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 0 VND)

9. TẶNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, số dư nguyên giá và khấu hao lũy kế của bất động sản đầu tư phản ánh số dư bất động sản đầu tư được phân loại lại từ tài sản cố định hữu hình tương ứng với diện tích cho thuê của các tòa nhà, văn phòng cho thuê thuộc sở hữu của Công ty tại Thành phố Hà Nội.

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
	VND	VND
Lợi thế kinh doanh (i)	26.806.886.649	35.162.279.888
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	85.460.840	196.234.203
	26.892.347.489	35.358.514.091

(i) Lợi thế kinh doanh của Công ty phản ánh lợi thế kinh doanh phát sinh khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Khoản lợi thế kinh doanh này sẽ được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong vòng 5 năm khi Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần. Giá trị đã được phân bổ vào chi phí trong năm là 9.327.382.326 VND (kỳ từ ngày 15 tháng 3 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 6.614.686.316 VND).

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	-	-	2.130.560.335	2.130.560.335
Phải trả các đối tượng khác	635.757.594	635.757.594	86.024.559	86.024.559
	635.757.594	635.757.594	2.216.584.894	2.216.584.894

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	162.018.179	4.428.146.117	4.481.571.481	108.592.815
Thuế thu nhập cá nhân	177.829.375	927.794.359	1.055.637.106	49.986.628
Thuế thu nhập doanh nghiệp	903.859.316	5.623.047.654	5.511.756.398	1.015.150.572
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	5.244.458.050	5.244.458.050	-
Các loại thuế khác	-	16.000.000	16.000.000	-
	1.243.706.870	16.239.446.180	16.309.423.035	1.173.730.015

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền lãi phải trả cho các nhà đầu tư (i)	18.805.975.243	18.805.975.243
Chi phí phải trả về các hợp đồng du lịch	1.026.698.278	315.823.602
Chi phí phải trả khác	1.823.684.684	412.999.545
	21.656.358.205	19.534.798.390

(i) Công ty ghi nhận tiền lãi phải trả cho các nhà đầu tư theo quy định của Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần.

14. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn phản ánh tiền cho thuê văn phòng mà Công ty đã nhận trước nhưng chưa cung cấp dịch vụ cho khách hàng.

15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> (Trình bày lại) VND
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	9.005.453.145	9.078.087.823
Phải trả về cổ phần hóa	-	68.790.648.007
Phải trả tiền bán cổ phần	-	62.104.989.627
Phải trả lợi nhuận về Tổng Công ty Du lịch Hà Nội	-	39.675.258.755
Phải trả ngắn hạn khác	2.783.371.098	152.688.658
	11.788.824.243	179.801.672.870

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 15/3/2016	748.000.000.000	-	-	-	748.000.000.000
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	14.265.325.745	14.265.325.745
Thặng dư vốn cổ phần	-	1.231.896.222	-	-	1.231.896.222
Số dư tại ngày 31/12/2016 (Trình bày lại)	748.000.000.000	1.231.896.222	-	14.265.325.745	763.497.221.967
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	96.226.620.293	96.226.620.293
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	-	(1.426.532.574)	(1.426.532.574)
Trích thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát (i)	-	-	-	(635.652.174)	(635.652.174)
Mua lại cổ phiếu từ cán bộ, nhân viên	-	-	(26.400.000)	-	(26.400.000)
Số dư tại ngày 31/12/2017	748.000.000.000	1.231.896.222	(26.400.000)	108.429.761.290	857.635.257.512

(i) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 ngày 26 tháng 6 năm 2017, Công ty thực hiện trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền là 1.426.532.574 VND. Đồng thời, Đại hội đồng cổ đông cũng phê duyệt trích thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát với số tiền 1.200.000.000 VND. Trong năm 2016, Công ty đã thực hiện tạm trích thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát là 564.347.826 VND, nên trong năm 2017, Công ty trích bổ sung thêm 635.652.174 VND.

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+) Cổ phiếu phổ thông	74.800.000	74.800.000
Số lượng cổ phiếu quỹ		
+) Cổ phiếu phổ thông	2.000	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+) Cổ phiếu phổ thông	74.798.000	74.800.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100107155 ngày 15 tháng 3 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, vốn điều lệ của Công ty là 748.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, vốn điều lệ đã được cổ đông góp như sau:

	Vốn đã góp			
	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	VND		VND	
Tổng Công ty Du lịch Hà Nội	338.030.000.000	45,2%	338.030.000.000	45,2%
Công ty Cổ phần Phát triển TN	200.000.000.000	26,7%	200.000.000.000	26,7%
Các cổ đông khác	209.970.000.000	28,1%	209.970.000.000	28,1%
	748.000.000.000	100%	748.000.000.000	100%

17. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại	Đơn vị	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
Đô la Mỹ	USD	3.856.490,08		3.889.832,54	
Euro	EUR	300,04		310,94	

18. DOANH THU CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ ngày 15/3/2016 đến ngày 31/12/2016	
	<u>Năm nay</u>	<u>VND</u>
Doanh thu cho thuê văn phòng	46.617.919.261	35.507.878.787
Doanh thu vận hành tour du lịch	91.554.593.524	85.688.906.073
Doanh thu từ đại lý vé máy bay	28.773.768.165	21.633.370.228
	166.946.280.950	142.830.155.088

19. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Từ ngày 15/3/2016</u> <u>đến ngày 31/12/2016</u> VND
Giá vốn cho thuê văn phòng	19.767.458.573	14.649.535.888
Giá vốn vận hành tour du lịch	86.911.013.796	81.760.718.635
Giá vốn từ đại lý vé máy bay	25.620.275.981	19.281.448.926
	132.298.748.350	115.691.703.449

20. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Từ ngày 15/3/2016</u> <u>đến ngày 31/12/2016</u> VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	673.777.392	1.325.084.259
Chi phí nhân công	22.125.653.730	14.621.572.571
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.466.741.986	4.338.403.236
Chi phí dịch vụ mua ngoài	119.789.497.999	116.041.414.174
Chi phí bằng tiền khác	19.119.381.249	6.887.046.294
	167.175.052.356	143.213.520.534

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Từ ngày 15/3/2016</u> <u>đến ngày 31/12/2016</u> VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	24.736.757.905	15.642.712.764
Cổ tức, lợi nhuận được chia	77.473.570.821	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	19.063.800	1.808.647.440
	102.229.392.526	17.451.360.204

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Từ ngày 15/3/2016</u> <u>đến ngày 31/12/2016</u> VND
Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân công	7.621.007.866	11.431.016.546
Chi phí khấu hao	16.798.164	415.761.633
Chi phí dịch vụ mua ngoài	895.404.827	3.648.114.503
Chi phí bằng tiền khác	488.624.715	186.082.877
	9.021.835.572	15.680.975.559
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân công	14.201.515.683	3.270.296.298
Chi phí khác	11.652.952.751	8.570.545.228
	25.854.468.434	11.840.841.526

23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Từ ngày 15/3/2016 đến ngày 31/12/2016
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	101.849.667.947	17.462.568.296
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	3.136.827.941	295.886.892
- Chi phí không hợp lý, hợp lệ	1.228.597.212	295.886.892
- Lỗi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại	135.988.294	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại	1.772.242.435	-
Trừ: Các khoản thu nhập không chịu thuế	(77.473.570.821)	(1.772.242.435)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(77.473.570.821)	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại	-	(1.772.242.435)
Thu nhập chịu thuế	27.512.925.067	15.986.212.753
Thuế suất thông thường	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	5.502.585.013	3.197.242.551
Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo Kết luận của Thanh tra thuế (*)	120.462.641	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	5.623.047.654	3.197.242.551

(*) Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo Kết luận của Thanh tra thuế căn cứ theo Quyết định số 121/QĐ-TTr ngày 24 tháng 11 năm 2017.

Trong năm, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế. Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Từ ngày 15/3/2016 đến ngày 31/12/2016 (Trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	96.226.620.293	14.265.325.745
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi (VND)	-	(1.426.532.574)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	96.226.620.293	12.838.793.171
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm (Cổ phiếu)	74.798.000	74.800.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	1.286	172

Công ty xác định lại số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ hoạt động từ ngày 15 tháng 3 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 bằng số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt ngày 26 tháng 6 năm 2017 là 1.426.532.574 VND. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ hoạt động từ ngày 15 tháng 3 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 được trình bày lại như sau:

	Số đã báo cáo	Số trình bày lại	Chênh lệch
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	191	172	(19)

25. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập Ban Điều hành được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay	Từ ngày 15/3/2016 đến ngày 31/12/2016
	VND	VND
Thu nhập của Ban Điều hành	2.538.724.016	1.875.349.171

26. SỐ LIỆU SO SÁNH

Theo Quyết định số 5576/QĐ-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2017 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại thời điểm chuyển Công ty TNHH MTV Du lịch Dịch vụ Hà Nội thuộc Tổng Công ty Du lịch Hà Nội thành Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh một số số liệu của bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Chi tiết ảnh hưởng của các điều chỉnh như sau:

	Số đã báo cáo	Số điều chỉnh	Số sau điều chỉnh
	VND	VND	VND
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016			
TÀI SẢN			
Phải thu ngắn hạn khác	22.674.403.124	7.171.720.776	29.846.123.900
Chi phí trả trước dài hạn	35.300.328.117	58.185.974	35.358.514.091
NGUỒN VỐN			
Phải trả ngắn hạn khác	173.803.662.342	5.998.010.528	179.801.672.870
Thặng dư vốn cổ phần	-	1.231.896.222	1.231.896.222



Trương Thị Phượng
Người lập biểu



Vũ Thị Bình
Kế toán trưởng



Nguyễn Kim Hà
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 3 năm 2018